TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **497**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 7 - 2026
Về việc Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Liên Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sơn.

2. Bà Nguyễn Thuỳ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Tấn Đài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1239/2026/TLST-HN ngày 20 tháng 05 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1980; Căn cước công dân số: 079180018175; Thường trú: 8/7 N, xã B, Thành Phố Hồ Chí Minh. (mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 079082018132; Thường trú, cư trú: D N, xã B, Thành Phố Hồ Chí Minh. (mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

đơn khởi kiện ngày 06 tháng 05 năm 2026 và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Vợ chồng chúng tôi tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới ngày 06/05/2005 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/05/2005. Sau một thời gian chung sống giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chồng không có trách nhiệm, vô tâm, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể hoà hợp được nữa

Bà Trần Thị Ngọc H cảm thấy tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh H1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 có 01 con chung là Lê Thanh D, sinh ngày 10/02/2006 đã trưởng thành và đang chung sống với mẹ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

bản tự khai 20/7/2026, ông Lê Thanh H1 trình bày:

Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung và không thể hoà hợp được nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, nên ông Lê Thanh H1 đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

Về con chung, chúng tôi có 01 con chung tên Lê Thanh D, sinh ngày 10/02/2006.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết;

Do ở xa và bận công việc nên ông Lê Thanh H1 đề nghị Toà án xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử vụ án này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông Lê Thanh H1 vắng mặt không lý do và bà Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho phía bị đơn. Ông Lê Thanh H1 và bà Trần Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/05/2005, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Trong quá trình tố tụng, bị đơn xin vắng mặt và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Ngọc H và bản tự khai của ông Lê Thanh H1 có đủ cơ sở xác định đời sống hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

[6] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

[7] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 không còn thương yêu, chăm sóc, mỗi người mạnh ai nấy sống và không quan tâm đến nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 có 01 con chung là Lê Thanh D, sinh ngày 10/02/2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Lê Thanh H1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lê Thanh H1.

3. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Thanh H1 có 01 con chung Lê Thanh D, sinh ngày 10/02/2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 19/05/2026, bà Trần Thị Ngọc H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0030785 của Thi hành án dân sự Thành phố H được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV8 TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV8 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn (nay là xã Bà Điểm), TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 8

TU4210726.TL.QDBA 7853

Nguyễn Liên Quân